

Bản án số: **30/2025/DS-ST**
Ngày: 21/03/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.

2. Ông Bùi Tuấn Khanh.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Quý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 269/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 326/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc B**, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú Thạnh, xã PT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị Thu Hiền, sinh năm 2000 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn BÐ, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Bà Võ Thị Thu Hiền có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 24/01/2025.

- Bị đơn: 1/ Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

2/ Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Phú Long, xã PT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị P có yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 02/12/2024.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2024, bản tự khai đề ngày 10/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Võ Thị Thu Hiền trình bày:

Năm 2021, bà Nguyễn Thị Ngọc Blàm chủ hội, bà Nguyễn Thị P và ông Lê Văn T có tham gia chơi hội, khi tổ chức chơi hội, bà Bcó làm giấy liệt kê danh sách hội viên và giao cho các hội viên, cụ thể:

Hội 2.000.000 đồng, gồm 31 phần, hội tháng khui 01 lần, hội khui ngày 15/4/2021 âm lịch, măn ngày 15/10/2023 âm lịch. Bà P, ông T tham gia 01 phần và đã hốt hội vào ngày 15/11/2022, bà Bđã giao đủ tiền hội cho bà P, ông T nhưng bà P, ông T không đóng hội chết nên bà P, ông T còn nợ bà B10 phần hội chết chưa đóng, cụ thể số tiền hội còn thiếu như sau:

10 phần x 2.000.000 đồng = 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Sau đó bà P, ông T có trả cho bà Bsố tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), bà Bkhông nhớ rõ thời gian trả, còn lại số tiền 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng). Bà Nguyễn Thị Ngọc Bđã nhiều lần yêu cầu bà P, ông T trả số tiền nợ hội còn lại nhưng bà P, ông T nhiều lần hứa hẹn trả nợ nhưng vẫn không trả.

Vì vậy, bà Byêu cầu Tòa án nhân dân huyện BD xem xét, giải quyết buộc bà Nguyễn Thị P và ông Lê Văn T cùng liên đới hoàn trả cho bà Bsố tiền nợ hội là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

(Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là danh sách hội viên bút lục số 08)

* Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 02/12/2024, bị đơn Nguyễn Thị P trình bày:

Bà Nguyễn Thị P thừa nhận có nợ tiền hội của bà Nguyễn Thị Ngọc Bsố tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), tuy nhiên, bên bà P đã trả 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), không nhớ rõ thời gian trả. Hiện tại, bên bà P chỉ còn nợ lại 17.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị P không đồng ý trả số tiền nợ hội nêu trên vì hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn, ông Lê Văn T (Chồng bà P đang bị bệnh). Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Ngọc Bcòn nợ ông Nguyễn Văn Đức (Anh ruột của bà P) và bà Nguyễn Thị Hồng (Em ruột của bà P), do đó, bà P cản trừ tiền nợ mà bà P còn thiếu bà Bqua bên số tiền mà bà Bcòn nợ ông Đức, bà Hồng.

* Bị đơn Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông T từ chối tham gia tố tụng, vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ hay yêu cầu gì thể hiện quan điểm của ông T trong vụ án.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn Lê Văn T vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 92 BLTTDS năm 2015, Điều 288, Điều 471 BLDS năm 2015, Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc B. Buộc bà Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ trả cho bà Bsố tiền nợ hui là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng). Ghi nhận bà Bkhông yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Võ Thị Thu Hiền, bị đơn bà Nguyễn Thị P có yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án.

Bà Nguyễn Thị P có tham gia chơi hui do bà Nguyễn Thị Ngọc Blàm chủ hui, do đó quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng góp hui” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Thị P, Lê Văn T cư trú tại ấp Phú Long, xã PT, huyện BD, tỉnh Bến Tre, do đó Tòa án nhân dân huyện BD có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án.

Năm 2021, bà Nguyễn Thị P có tham gia chơi hui do bà Nguyễn Thị Ngọc Blàm chủ hui, đồng thời đã thực hiện xong quyền hốt hui, đã nhận đủ tiền hui do bên nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc Bgiao hui nhưng không thực hiện nghĩa vụ đóng hui chết cho chủ hui là vi phạm quy định tại Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về hoi, hui, biêu phường. Trong quá trình tố tụng, bị đơn Nguyễn Thị P đã thừa nhận còn thiếu lại nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc Bsố tiền nợ hui 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng), đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại

Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc B về việc yêu cầu hoàn trả lại số tiền hui 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận việc nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc B tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền nêu trên.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Lê Văn T có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa, bên nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bị đơn Lê Văn T tham gia chơi hui cũng như nhận tiền hốt hui từ nguyên đơn, đồng thời theo biên bản xác minh ngày 06/3/2025 và biên bản lấy lời khai đề ngày 02/12/2024 thì bà Nguyễn Thị P và ông Lê Văn T chung sống như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn, vì vậy không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc B về việc buộc ông Lê Văn T có nghĩa vụ liên đới với bà Nguyễn Thị P trả tiền hui không có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 14, 16 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu cản trừ nợ của bị đơn Nguyễn Thị P.

Trong quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị P trình bày, bên nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc B còn nợ ông Nguyễn Văn Đức, bà Nguyễn Thị Hồng (Anh và em ruột của bà P), đồng thời yêu cầu cản trừ vào số tiền mà bà B còn nợ ông Đức và bà Hồng là không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận. Ông Nguyễn Văn Đức, bà Nguyễn Thị Hồng được quyền khởi kiện vụ án khác nếu có yêu cầu.

[6] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BĐ về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc B được chấp nhận toàn bộ, nên bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí với số tiền là: 17.000.000 đồng x 5% = 850.000 đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 471, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 14, 16 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu phường.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Bđôi với bà Nguyễn Thị P, ông Lê Văn T về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Buộc bà Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc B số tiền nợ hội là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ngọc B tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

2.1. Bà Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ chịu là 850.000 đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng).

2.2. Bà Nguyễn Thị Ngọc B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà B đã nộp là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001893 ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BD, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự Nguyễn Thị Ngọc B, Nguyễn Thị P và Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể

từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã PT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Đăng Phi